

Bản án số: 116/2025/HS-ST

Ngày: 25/9/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khuru Hán Quang;

2. Bà Nguyễn N Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cơ sở 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Vòng Kim T; tên gọi khác: Mười; sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thường trú: đường L, Phường 11, Quận 11 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường L, Phường 11, Quận 11 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vòng Tổng H và bà Âu Mùi C, có vợ và có 01 con sinh năm 2008; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 26/6/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 9111/QĐ-UB về việc đưa người vào Cơ sở chữa bệnh đối với Vòng Kim T với thời hạn 24 tháng. Ngày 20/12/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số: 10.561/QĐ-UBND về việc cho phép đối tượng được miễn chấp hành thời gian cai nghiện để tiếp tục chữa bệnh tại địa phương; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1964; địa chỉ: đường T, Phường 11, Quận 5 (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; **vắng mặt.**

2. Ông Nguyễn Trường Th, sinh năm 1978; địa chỉ: đường Tr, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; **vắng mặt.**

3. Ông Sơn Nguyễn N, sinh năm 1982; địa chỉ: đường P, Phường 1, quận Phú

Nhuận (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; **vắng mặt**.

4. Ông Hàng Phúc T, sinh năm 1977; địa chỉ: đường L, Phường 11, Quận 11 (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; **vắng mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 15 ngày 19/5/2024, Tổ tuần tra 363 Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra hành chính đối với Vòng Kim T do Phan Thiên H, là tài xế xe Grab điều khiển xe mô tô biển số 59L1-852.48 chờ trước số 173/23 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11. Qua kiểm tra điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy M53 5G màu nâu, số điện thoại 0985298033 của Vòng Kim T phát hiện thông tin liên quan đến việc cho vay lãi nặng và nội dung đánh bạc với hình thức mua bán số đề và cá độ bóng đá được thua bằng tiền nên đưa người và tang vật về Công an, Phường 11, Quận 11 để làm rõ, sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M53 5G, màu nâu 256G, số seri: RFCT60Y6WHP, số điện thoại: 0985298033, là tài sản của Vòng Kim T sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Vòng Kim T khai nhận bắt đầu cho vay tiền từ năm 2016, với lãi suất từ 10% - 20%/tháng, thu lãi suất vay theo từng tháng. T nhận tiền lãi suất trực tiếp hoặc chuyển khoản qua số tài khoản 0421000418207 – VONG KIM TAC, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương. Quá trình điều tra xác định Vòng Kim T cho 04 người vay tiền, cụ thể:

1. Người vay Nguyễn Văn X (sinh năm: 1964, thường trú: T, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh):

Vào đầu năm 2017, ông X vay của Vòng Kim T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm, gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), mỗi tháng ông X trả cho T 10.000.000 đồng tiền lãi suất vay. Tuy nhiên, sau khi mượn tiền thì từ năm 2017 đến 2019, X không trả tiền lãi. Đến năm 2020, X bắt đầu trả tiền lãi cho T nhưng không trả đủ 10.000.000 đồng/tháng. Cả năm tiền lãi suất tổng cộng là 120.000.000 đồng/12 tháng nhưng X chỉ trả tổng cộng 22.000.000 đồng tiền lãi, còn thiếu lại 98.000.000 đồng. Sau đó, T và ông X đã thỏa thuận thống nhất với nhau khoản tiền lãi còn thiếu là 40.000.000 đồng (của năm 2020).

Năm 2021, ông X trả cho T 53.000.000 đồng tiền lãi trên tổng số tiền lãi 120.000.000 đồng/12 tháng, còn thiếu 67.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, T và X đã thỏa thuận với nhau và T đồng ý bỏ qua số tiền lãi còn thiếu cho X. Đến cuối năm 2021, ông X xin T chỉ trả tiền gốc, T đồng ý. Do ông X còn thiếu T 40.000.000 đồng tiền lãi của năm 2020, T cho ông X ghi lại giấy nợ mới là 140.000.000 đồng gồm tiền gốc và lãi và bắt đầu trả góp. Sau đó, T giảm cho ông X 10.000.000 đồng còn lại 130.000.000 đồng. Ông X đã trả cho T 128.000.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000 đồng cho đến nay.

Qua điều tra, số tiền bị cáo T thu lợi như sau:

Năm 2020, số tiền thu lợi là 22.000.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp

theo lãi suất quy định là 20.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng.

Năm 2021, số tiền thu lợi là 53.000.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp theo lãi suất quy định là 20.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 33.000.000 đồng.

Từ 2022 đến thời điểm kiểm tra phát hiện, số tiền thu lợi bất chính là 28.000.000 đồng (tiền lãi từ năm 2020 do X còn thiếu chuyển qua).

Như vậy, bị cáo T sử dụng số tiền 100.000.000 đồng để cho X vay. Số tiền bị cáo T đã thu lợi là 103.000.000 đồng, trong đó bao gồm: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự là: 40.000.000 đồng (đề nghị tịch thu); số tiền thu lợi bất chính thực tế T đã thu là: 63.000.000 đồng. T đã trả lại cho X số tiền 28.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính (đề nghị buộc T hoàn trả cho ông X số tiền thu lợi bất chính còn lại là 35.000.000 đồng). Ông X đã trả tiền gốc 100.000.000 đồng cho T (đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn X trình bày có vay tiền của Vòng Kim T vào tháng 12/2016, vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, tương đương 120%/năm, mỗi tháng phải trả lãi cho T 10.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, ông X đã đóng lãi liên tục từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2021. Từ tháng 7/2021, do dịch Covid nên ông X không có tiền đóng lãi tiếp và thiếu tiền lãi 04 tháng từ tháng 7 đến tháng 10/2021, với số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 09/11/2021, Vòng Kim T yêu cầu ông X ký giấy vay số tiền 140.000.000 đồng gồm tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 40.000.000 đồng và tiếp tục đóng lãi 10.000.000 đồng mỗi tháng như lúc đầu, ông X đồng ý. Ông X tiếp tục đóng lãi cho bị cáo T đến tháng 02/2022, thì thỏa thuận xin trả gốc. T yêu cầu ông X trả tiền mỗi tuần tùy theo khả năng đến khi hết số tiền 140.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 3/2022. Sau đó, T có giảm cho ông X 10.000.000 đồng còn thiếu 130.000.000 đồng. Ông X đã nhiều lần trả tiền cho T đến thời điểm Công an Quận 11 mời làm việc, ông X đã trả 128.000.000 đồng, còn nợ T 2.000.000 đồng. T đã trả lại cho ông X 28.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Do mâu thuẫn về lời khai, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho ông X và T đối chất nhưng không thể làm rõ, tiến hành kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng của Vòng Kim T, chỉ có thông tin ông X trả tiền lãi suất cho Vòng Kim T phù hợp với lời khai của T. Ngoài lời khai của ông X về việc trả lãi liên tục cho T từ khi vay tiền, chỉ thiếu khi có dịch bệnh Covid, thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh. Do vậy, Cơ quan điều tra căn cứ xác định số tiền vay, tiền thu lợi bất chính theo lời khai của bị cáo T, phù hợp với kết quả điều tra vụ án.

2. Người vay Nguyễn Trường Th (sinh năm: 1978, thường trú: số Trịnh Đình Trọng, phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh):

Đầu tháng 8/2022, Th vay của T 5.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm, gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 500.000 đồng. Tháng 9/2022, Th tiếp tục vay thêm khoản vay mới là 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 1.000.000 đồng. Trừ tiền lãi 500.000 đồng và tiền gốc 5.000.000 đồng của lần vay trước, T đưa thêm cho Th 4.500.000 đồng. Như vậy, khoản vay 5.000.000 đồng của Th đã tắt toán khi Th lên khoản vay mới 10.000.000 đồng. Số tiền thu lợi của T đối với khoản vay này là: 500.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp là: 82.192 đồng; tiền thu lợi bất chính là 417.808 đồng.

Tháng 10/2022, Th vay khoản vay mới là 15.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm, gấp 06 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 1.500.000 đồng. Trừ ra tiền lãi 1.000.000 đồng và tiền gốc 10.000.000 đồng của lần vay tháng 9/2022, T đưa thêm cho Th 4.000.000 đồng. Như vậy, khoản vay 10.000.000 đồng của Th đã tắt toán khi Th vay khoản vay mới là 15.000.000 đồng. Số tiền thu lợi của T đối với khoản vay này là: 1.000.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp là: 164.384 đồng; tiền thu lợi bất chính là 836.616 đồng.

Tháng 11/2022, Th vay lên khoản vay mới là 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 2.000.000 đồng. Trừ ra tiền lãi 1.500.000 đồng và tiền gốc 15.000.000 đồng của lần vay trước, T đưa thêm cho Th 3.500.000 đồng. Như vậy, khoản vay 15.000.000 đồng của Th đã tắt toán khi Th vay lên khoản vay mới 20.000.000 đồng. Số tiền thu lợi của T đối với khoản vay này là: 1.500.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp là: 246.576 đồng; tiền thu lợi bất chính là 1.253.424 đồng. Th tiếp tục trả lãi của khoản vay 20.000.000 đồng này liên tục trong 05 tháng và đã trả hết tiền gốc vào lần đóng lãi cuối cùng vào tháng 4/2023. Số tiền thu lợi của T đối với khoản vay này là: 10.000.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp là: 1.643.835 đồng; tiền thu lợi bất chính là 8.356.165 đồng.

Sau nhiều lần Th vay lên dây mới, số tiền gốc bị cáo T bỏ ra cho Th vay là 20.000.000 đồng. Th đã trả hết tiền gốc cho bị cáo T.

Số tiền bị cáo T đã thu lợi là: 13.000.000 đồng. Trong đó: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự là: 2.136.987 đồng; thu lợi bất chính thực tế đã thu là: 10.863.013 đồng.

Tháng 9/2023, Th vay của T khoản vay mới là 5.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 500.000 đồng.

Tháng 10/2023, Th vay lên khoản vay mới là 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 1.000.000 đồng. Trừ tiền lãi 500.000 đồng và tiền gốc 5.000.000 đồng của lần vay tháng 9, T đưa thêm cho Th 4.500.000 đồng. Như vậy, khoản vay 5.000.000 đồng của Th đã tắt toán khi Th lên dây mới 10.000.000 đồng. Số tiền thu lợi của T đối với khoản vay này là: 500.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp là: 82.192 đồng; tiền thu lợi bất chính là 417.808 đồng. Th đã trả tiền lãi của 05 tháng liên tục là 5.000.000 đồng cho khoản vay này.

Tháng 3/2024, Th vay lên khoản dây mới là 15.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 1.500.000 đồng. Trừ ra tiền lãi 1.000.000 đồng và tiền gốc 10.000.000 đồng của lần vay tháng 10/2023, T đưa thêm cho Th 4.000.000 đồng. Tháng 4/2024, Th đã trả đủ tiền lãi là 1.500.000 đồng, chưa trả tiền gốc cho T. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp là: 246.575 đồng; tiền thu lợi bất chính là 1.253.425 đồng. Như vậy, khoản vay 10.000.000 đồng của Th đã tắt toán khi Th lên dây mới 15.000.000 đồng. Số tiền thu lợi của T đối với khoản vay này là: 5.000.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi hợp pháp là: 821.920 đồng; tiền thu lợi bất chính là 4.178.080 đồng.

Sau nhiều lần Th vay lên đây mới, số tiền gốc bị cáo T cho Th vay là 15.000.000 đồng. Th chưa trả tiền gốc cho bị cáo T tại thời điểm Công an Quận 11 phát hiện làm việc vào ngày 19/5/2024.

Số tiền bị cáo T đã thu lợi là: 7.000.000 đồng. Trong đó: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự là: 1.150.687 đồng; thu lợi bất chính thực tế đã thu là: 5.849.313 đồng.

Tổng số tiền T cho Th vay là 35.000.000 đồng. Số tiền T thu lợi là 20.000.000 đồng, trong đó bao gồm: Số tiền lãi tương ứng mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 3.287.674 đồng (đề nghị tịch thu số tiền số tiền 3.287.674 đồng), số tiền thu lợi bất chính thực tế T đã thu là 16.712.326 đồng. T đã chủ động gặp Th, cản trừ tiền gốc Th còn thiếu tại lần vay thứ hai là 15.000.000 đồng vào tiền thu lợi bất chính 16.712.326 đồng, còn lại 1.712.326 đồng T đã trả lại cho Th. Như vậy, Th đã trả số tiền vay gốc 35.000.000 đồng cho T (đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền vay gốc trên), T đã trả lại đủ số tiền thu lợi bất chính cho Th.

Lời khai của Nguyễn Trường Th, phù hợp với lời khai của Vòng Kim T và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

3. Người vay Sơn Nguyên N (sinh năm: 1982, thường trú: Phan Đăng Lưu, Phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đầu tháng 9/2023, N vay của T khoản vay là 10.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng (tương đương 240%/năm, gấp 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 2.000.000 đồng. N đã trả liên tục 08 lần tiền lãi cho T là 16.000.000 đồng (chưa trả tiền gốc).

Bị cáo T cho N vay số tiền 10.000.000 đồng. Khi Công an Quận 11 phát hiện, N chưa trả tiền gốc cho T. Số tiền bị cáo T đã thu lợi là: 16.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự là: 1.315.072 đồng; thu lợi bất chính thực tế đã thu là: 14.684.928 đồng.

Đến giữa tháng 9/2023, N tiếp tục vay của T khoản vay khác là 5.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng (tương đương 240%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 1.000.000 đồng. N đã trả liên tục 08 lần tiền lãi cho T là 8.000.000 đồng (chưa trả tiền gốc). Bị cáo T dùng 5.000.000 đồng để cho vay. Khi Công an Quận 11 phát hiện, N chưa trả tiền gốc cho bị cáo T. Số tiền bị cáo T đã thu lợi là: 8.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là: 657.536 đồng; thu lợi bất chính thực tế đã thu là: 7.342.464 đồng.

Đầu tháng 10/2023, N tiếp tục vay của T khoản vay khác số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 20%/tháng (tương đương 240%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 1.000.000 đồng. N đã trả liên tục 07 lần tiền lãi cho T là 7.000.000 đồng (chưa trả tiền gốc). Bị cáo T dùng 5.000.000 đồng để cho vay. Khi Công an Quận 11 phát hiện, N chưa trả tiền gốc cho T. Số tiền bị cáo T đã thu lợi là: 7.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là: 574.344 đồng; thu lợi bất chính thực tế đã thu là: 6.424.656 đồng.

Tổng số tiền T cho N vay là 20.000.000 đồng. Số tiền bị cáo T thu lợi là: 31.000.000 đồng, trong đó bao gồm: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự là: 2.546.952 đồng (đề nghị tịch thu số tiền 2.546.952 đồng

trên), số tiền thu lợi bất chính thực tế bị cáo T đã thu là: 28.453.048 đồng. T đã chủ động gặp N, cân trừ số tiền vay gốc N còn thiếu là 20.000.000 đồng vào số tiền thu lợi bất chính 28.453.048 đồng, còn lại 8.453.048 đồng (T đã hoàn trả lại số tiền 8.453.048 đồng trên cho N) N đã trả tiền vay gốc 20.000.000 đồng cho T (đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền vay gốc 20.000.000 đồng) và T đã trả lại đủ số tiền thu lợi bất chính cho với N.

Lời khai của Sơn Nguyên N, phù hợp với lời khai của Vòng Kim T và phù hợp với tình tiết vụ án.

4. Người vay Hàng Phúc Th1 (sinh năm: 1977, thường trú: 168/13/3 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh):

Đầu tháng 01/2024, Th1 vay của T số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm), mỗi tháng đóng tiền lãi cho T 1.000.000 đồng. Th1 đã trả liên tục 04 lần tiền lãi cho T là 4.000.000 đồng (chưa trả tiền gốc).

Tổng số tiền vay gốc T cho Th1 vay là 10.000.000 đồng. Số tiền T đã thu lợi là 4.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật dân sự là: 666.666 đồng (đề nghị tịch thu số tiền này); thu lợi bất chính thực tế đã thu là: 3.333.334 đồng. Bị cáo T đã chủ động gặp Th1 cân trừ tiền gốc Th1 còn thiếu 10.000.000 đồng vào tiền thu lợi bất chính 3.333.334 đồng, còn lại 6.666.666 đồng Th1 đã trả số tiền hết số tiền này cho T (đề nghị tịch thu số tiền vay gốc 10.000.000 đồng của T), T đã trả lại số tiền thu lợi bất chính đối với Th1.

Lời khai của Hàng Phúc Th1, phù hợp với lời khai của Vòng Kim T và phù hợp với các chứng khác của vụ án.

Tổng số tiền bị cáo T cho 04 người vay trên là: 165.000.000 đồng. T đã thu lợi tổng cộng 158.000.000 đồng, trong đó: số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự là: 46.501.292 đồng; thu lợi bất chính thực tế đã thu là: 111.498.708 đồng.

Bản cáo trạng số: 88/CT-VKS-KV3 ngày 26 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 truy tố bị cáo Vòng Kim T tội danh “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp “Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 trình bày lời luận tội, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù. Về phạt bổ sung: Do bị cáo nhiễm HIV, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn phạt tiền bổ sung; đồng thời đề nghị hướng xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự như sau: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M53 5G, màu nâu 256G, số seri: RFCT60Y6WHP, số điện thoại: 0985298033, là tài sản bị cáo T sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội; buộc bị cáo T hoàn trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền thu lợi bất chính còn lại là 35.000.000 đồng; buộc bị cáo T nộp lại số tiền sử dụng để cho vay là 165.000.000 đồng và số tiền 46.501.292 đồng tiền lãi mà bị cáo thu lợi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng cộng số tiền buộc bị cáo Vòng Kim T phải nộp lại là 211.501.292 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Từ năm 2020 đến ngày bị phát hiện, bị cáo Vòng Kim T đã có hành vi cho Nguyễn Văn X, Nguyễn Trường Th, Sơn Nguyên N và Hàng Phúc Th1 vay tiền lãi nặng nhiều lần với lãi suất cho vay từ 10%/tháng đến 20%/tháng (từ 120%/năm đến 240%/năm) vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm) từ 06 đến 12 lần để thu lợi bất chính.

Cụ thể: Đối với người vay Nguyễn Văn X, số tiền T đã thu lợi bất chính từ việc cho vay là 63.000.000 đồng; đối với Nguyễn Trường Th là 16.712.327 đồng; đối với Hàng Phúc Th1 là 3.333.334 đồng; đối với Sơn Nguyên N là 28.452.048 đồng với lãi suất 20%/tháng (240%/năm). Bị cáo T đã hoàn trả số tiền thu lợi bất chính cho Nguyễn Trường Th, Hàng Phúc Th1 và Sơn Nguyên N. Số tiền bị cáo T dùng để cho vay là 165.000.000 đồng, những người vay đã hoàn trả số tiền này cho bị cáo T.

Tổng số tiền lãi bị cáo T thu được từ hành vi cho vay là 158.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự là: 46.501.292 đồng và tiền thu lợi bất chính là: 111.498.708 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vòng Kim T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp “*Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự nên phải xử lý nghiêm.

Xét thấy, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự nguyện trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; hiện bị cáo đang bị bệnh nặng (nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS) nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang bị bệnh nặng. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo. Tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo và chữa bệnh.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị bệnh nặng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không cần bắt bị cáo phải chịu hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M53 5G màu nâu 256GB, số seri: RFCT60Y6WHP, số điện thoại: 0985298033 của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo đã trả lại số tiền thu lợi bất chính đối với Nguyễn Trường Th là 16.712.327 đồng; đối với Hàng Phúc Th1 là 3.333.334 đồng; đối với Sơn Nguyên N là 28.452.048 đồng. Ông Th, ông Th1 và ông N đã nhận tiền và không có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị cáo T thu lợi bất chính từ việc cho ông Nguyễn Văn Xiên vay tiền là 63.000.000 đồng, bị cáo đã trả cho ông X 28.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông X số tiền thu lợi bất chính còn lại là 35.000.000 đồng.

- Số tiền 46.501.292 đồng là tiền lãi mà bị cáo thu lợi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Số tiền bị cáo sử dụng để cho vay là 165.000.000 đồng; số tiền này những người vay là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả tiền gốc vay cho bị cáo T nên buộc bị cáo nộp lại số tiền 165.000.000 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Tổng cộng số tiền Hội đồng xét xử buộc bị cáo Vòng Kim T phải nộp lại là 211.501.292 đồng để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Ngoài cho 04 người vay tiền như trên, Vòng Kim T còn cho Tăng Chí Q vay số tiền 19.000.000 đồng, trả góp gốc và lãi 4.000.000 đồng/tháng trong thời hạn 06 tháng là 24.000.000 đồng. Lãi suất 53,36%/năm. Quậy đã trả đủ gốc và lãi cho T. Đối với khoản vay này, do lãi suất chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đủ căn cứ để xử lý.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh giám định điện thoại, khôi phục và trích xuất dữ liệu tin nhắn. Kết quả, Vòng Kim T còn cho những người vay tiền có thông tin: “Hung Lo”, “Viet 40tr/4”, “Con Ong Xi 10tr/2”, “Quachlinh”. T khai nhận không biết thông tin lai lịch những người này và cũng không nhớ được họ vay tiền thời gian nào, vay bao nhiêu tiền và lãi suất. Cơ quan điều tra đã gửi thông tin đến Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh đăng báo tìm người vay tiền của Vòng Kim T. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có ai đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để trình báo liên quan đến việc vay tiền của Vòng Kim T. Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với người tên Quách Ngọc Linh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) cung cấp thông tin chủ tài khoản số: 19021797701015 – QUACH NGOC LINH có thông tin chuyển tiền theo nội dung kiểm tra điện thoại của Vòng Kim T lai lịch như sau: Quách Ngọc Linh, sinh năm: 1987, thường trú: 213/58/23 Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, số Căn cước công dân: 079187000979. Tiến hành xác minh được biết: Đương sự Quách Ngọc Linh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên,

nhưng hiện không thực tế cứ trú tại địa phương, đi đâu không rõ, Cơ quan điều tra không tiến hành làm việc được với đương sự Quách Ngọc Linh. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Ngoài hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Vòng Kim T còn có hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức mua bán số đề với Vòng Kim N vào ngày 12/5/2024, số tiền dùng để đánh bạc là 1.358.000 đồng; cá độ bóng đá được thua bằng tiền với Tăng Chí Q vào ngày 25/11/2022, trận Qatar - Senegal số tiền dùng để đánh bạc của T là 975.000 đồng, số tiền tham gia đánh bạc của Quậy là 500.000 đồng; Ngày 26/11/2022, trận Tunisia – Australia, số tiền dùng để đánh bạc của T và Q là 500.000 đồng. Số tiền “Đánh bạc” của Vòng Kim T, Vòng Kim N, Tăng Chí Q chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển giao Công an Quận 11 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” đối với hành vi của T, N và Q.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50; khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Vòng Kim T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Vòng Kim T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án 25/9/2025.

Giao bị cáo Vòng Kim T cho Ủy ban nhân dân phường Phú Th1, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo Vòng Kim T trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Vòng Kim T nộp lại số tiền 211.501.292 đồng (hai trăm mười một triệu năm trăm lẻ một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M53 5G màu nâu 256GB, số seri: RFCT60Y6WHP, số điện thoại: 0985298033 theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 19/5/2024 tại Công an Phường 11, Quận 11 (nay là phường Phú Th1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC 27 - CA TP.HCM;
- VKSND KV3;
- Công an TP.HCM;
- Phòng THADS KV3;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 05 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Th Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Khru Hán Quang;

Bà Nguyễn N Thảo.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025, đối với:

Bị cáo Vòng Kim T, sinh năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào Điều 50; khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Vòng Kim T;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

2. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Vòng Kim T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vòng Kim T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án 25/9/2025.

Giao bị cáo Vòng Kim T cho Ủy ban nhân dân phường Phú Th1, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo Vòng Kim T trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

- Buộc bị cáo Vòng Kim T nộp lại số tiền **211.501.292 đồng** (hai trăm mười một triệu năm trăm lẻ một nghìn hai trăm chín mươi hai đồng) để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M53 5G màu nâu 256GB, số seri: RFCT60Y6WHP, số điện thoại: 0985298033 theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 19/5/2024 tại Công an Phường 11, Quận 11 (nay là phường Phú Th1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

5. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Th Phúc